

QH03- BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



TT		Hiện trạng		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
		Diện tích (t.288.75)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (990.35)	Tỷ lệ (40.57)	Diện tích (128.75)	Tỷ lệ (38.02)
1	Mục đích sử dụng đất						
1.1	Khu đất nông nghiệp	1.288.75	70.82	990.35	40.57	928.00	38.02
1.1	Đất trồng lúa	260.5	10.67	212.75	8.72	180.4	7.39
1.2	Đất trồng trọt khác	421.79	17.28	137.62	5.64	107.62	4.41
1.3	Đất rừng sản xuất	132.18	5.41	126.5	5.18	126.5	5.18
1.4	Đất rừng phòng hộ	803.28	32.91	513.48	21.04	513.48	21.04
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	110.17	4.51	0.00	0.00	0.00	0.00
1.6	Đất nông nghiệp khác	0.83	0.03				
2	Đất xây dựng	559.33	22.91	1.408.55	57.70	1.470.90	60.26
2.1	Đất ở	249.88	10.24	215.69	8.84	255.97	10.49
	- Đất ở tại nông thôn	82.99		82.99		97.99	
	- Đất ở quy hoạch mới			25.8		39.4	
	- Đất hỗn hợp đơn vị ở			6.4		22.95	
	- Đất vườn chung thừa đất ở	166.89		100.5		95.63	
2.2	Đất công cộng	8.17	0.33	12.15	0.50	12.15	0.50
2.3	Đất xây sân, thể dục, thể thao	1.49	0.06	27.72	1.14	27.72	1.14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1.61	0.07	1.57	0.06	1.57	0.06
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	85.53	3.50	921.43	37.75	921.43	37.75
	Đất cụm công nghiệp	8	0.33				
	Đất công trình năng lượng	77.53	3.18	77.53	3.18	77.53	3.18
	Đất công nghiệp			843.9	34.57	843.9	34.57
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	7.27	0.30	30.72	1.26	30.72	1.26
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	200.38	8.21	194.97	7.99	217.04	8.89
	- Đất giao thông	88.95	3.64	139.72	5.72	161.79	6.63
	+ Giao thông đối ngoại	15.6	0.64	47.8	1.96	47.8	1.96
	+ Giao thông đối nội	73.35	3.00	91.92	3.77	113.99	4.67
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	94.28	3.86	37	1.52	37	1.52
	- Hạ tầng kỹ thuật khác	17.15	0.70	18.25	0.75	18.25	0.75
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	5	0.20	4.3	0.18	4.3	0.18
	- An ninh	0.3	0.01	0.3	0.01	0.3	0.01
	- Quốc phòng	4.7	0.19	4	0.16	4	0.16
3	Đất khác	152.92	6.26	42.1	1.72	42.1	1.72
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	15.81	0.65	9.1	0.37	9.1	0.37
3.2	Đất chưa sử dụng	97.57	4.00	15	0.61	15	0.61
3.3	Mặt nước chuyên dùng	27.82	1.14	18	0.74	18	0.74
3.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	8.72	0.36	0.00	0.00	0.00	0.00
3.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3	0.12	0.00	0.00	0.00	0.00
	Tổng cộng	2.441	100	2441	100	2441	100

STT	NHÓM CHỨC NĂNG LOẠI CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐƯỢC	KÝ HIỆU		B
		Hiện trạng	Quy hoạch	
		Dạng cũ	Dạng mới	
I	KHU ĐẤT DÂN DỤNG			
1	ĐƠN VỊ			 0 50M
2	HỒN TRÚC BỐ VỊ VU DICH VU CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ			
3	DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ			
4	CƠ QUAN THỊ SỰ ĐÔ THỊ			
5	CÂY XANH CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ			
6	GAO THÔNG ĐÔ THỊ			
7	HÀ TANG TỰ THIẾT HOẶC CHỢ SƠ TẾ			
II	KHU ĐẤT NGOẠI DÂN DỤNG			KÝ HIỆU CHỨC NĂNG
1	SÂN XUẤT NÔNG NGHIỆP			NHÀ MẠI, CHỢ
2	ẨM NGHIỆP			TIỀN NHÀ MÁY
	- HƯNG PHONG HO			NHÀ CÔNG NGHIỆP
	- HƯNG SÂN XUẤT			BẢO TẮNG
3	NƯỚC THƯỜNG TRỮ SẢN			DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
4	CHUỖ SỬ DỤNG			TRƯỜNG PTTH
5	HỒ, AO, ĐÀM			TRƯỜNG TH
6	SÔNG, SÙI, KÊNH RẠCH			TRƯỜNG TIỂU HỌC
7	MẬT THUỘC VƯỜN BẾN			NHÀ THỜ
	RANH GIỚI QUÝ HOẠCH			TRƯỜNG DẠY NGHỀ
	RANH GIỚI TRUNG TÂM S			TRƯỜNG BẬC ĐẠO
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			TRƯỜNG Y TẾ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CHỢ ĐÔ THỊ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			TRƯỜNG PTTH
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CHỢ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CÔNG TRƯỜNG YHSA
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CHỢ ĐÔ THỊ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			TRƯỜNG PTTH
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CHỢ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CÔNG TRƯỜNG Y TẾ
	TRƯỜNG GIỚI THIỆU TRƯỜNG			CHỢ ĐÔ THỊ

- 1 UBND xã
- 2 Công an xã
- 3 Nghĩa trang liệt sĩ
- 4 Đất xây dựng cơ sở y tế
- 5 Trường mẫu giáo Mỹ An
- 6 Trường mẫu giáo Mỹ An CS1
- 7 Trường Tiểu học Mỹ An
- 8 Trường Tiểu học Mỹ An (Thôn Xuân Bình)
- 9 Trường THCS
- 10 Đất chợ
- 11 Đất burial – văn hóa xã
- 12 Sân vận động xã
- 13 Công viên xã
- 14 Quảng trường biển
- 15 Cây xanh công cộng
- 16 Khu làng nghề xã
- 17 Nhà máy điện năng lượng mặt trời
- 18 Đất du lịch hồ Đá Bàn
- 19 Đất du lịch
- 20 Hải đội biên phòng
- a NVH Thôn Chánh Giáo
- b NVH Thôn Hòa Ninh
- c NVH Thôn Thuận Đạo
- d NVH Thôn Xuân Bình
- e NVH Thôn Xuân Phương
- g NVH Thôn Xuân Thạnh
- h NVH Thôn Xuân Thạnh Nam

CƠ QUAN CHỦ ĐẠO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ MỸ KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 98/1/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2023			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN PHÚ MỸ KẾM THEO: TO TRÌNH SỐ 90/TT-QLQH NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2023			
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: BAN QUẢN LÝ CHẾ ĐỘ THI VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG, THUỘC UBND HUYỆN PHÚ MỸ KẾM THEO: TO TRÌNH SỐ 90/TT-QLQH NGÀY 06 THÁNG 12 NĂM 2023			
CỘNG TRÌNH, ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ MỸ AN, HUYỆN PHÚ MỸ ĐEN NĂM 2035 ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ AN, HUYỆN PHÚ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH			
TÊN BẢN VẼ: QH03- BẢN DỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT			
BẢN VẼ:	GHEP: 1 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	THANG ... / 2023
THỂ HIỆN:	KTS. NGUYỄN VINH QUANG		
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN VINH QUANG		
CHỦ TÀI:	KTS. NGUYỄN VINH QUANG		
QUẢN LÝ KỸ:	KTS. NGÔ QUỐC BÌNH		
CHỦ NHIỆM:	KTS. NGÔ QUỐC BÌNH		
GIÁM ĐỐC:			
KTS. NGÔ QUỐC BÌNH			
 CÔNG TY TNHH KHUÊ VÂN CẮC ĐỊA CH: 36.13 THẠM LỘ, P. QUANG TRUNG, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐIỆN THOẠI: 0913612009 - 095336293 - EMAIL: ctykhuevanac@gmail.com			